

Kiên Giang, ngày ... tháng ... năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
Về công tác kiểm tra giám sát hoạt động Công ty Cổ phần  
Xi Măng Kiên Giang năm 2023

**Kính gửi : ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CP XI MĂNG KIÊN GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
  - Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, được quy định trong Điều lệ.
  - Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi Măng Kiên Giang.
- Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động năm 2023 Công ty Cổ phần Xi Măng Kiên Giang như sau:

**I- TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

**1. Nhân sự Ban kiểm soát:**

Cơ cấu nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm có 03 thành viên, cụ thể như sau:

- |                         |             |
|-------------------------|-------------|
| 1. Ông Trần Quốc Khánh  | Trưởng ban  |
| 2. Ông Vũ Văn Huy       | Thành viên  |
| 3. Ông Nguyễn Quốc Hùng | Thành viên. |

**2. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Nội dung kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong năm tài chính bao gồm các mặt hoạt động như sau:

- Giám sát thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban giám đốc (BGĐ).
- Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết đại hội cổ đông, nghị quyết HDQT.
- Tham gia ý kiến với HDQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo tài chính năm 2023.

- Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và báo cáo của giám đốc trình đại hội cổ đông.

## II- KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT:

### 1. Việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được Ban kiểm soát kiểm tra.

### 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

#### 2.1 Tình hình sản xuất và tiêu thụ:

##### a) Sản lượng sản xuất:

- Xi măng tại Công ty: 512.053 tấn / 560.000 tấn đạt 91,44 % so với kế hoạch.
- Xi măng bột mua ngoài 165.378 tấn / 120.000 tấn đạt 137,81 % so với kế hoạch.

##### b) Sản lượng tiêu thụ:

- Sản lượng tiêu thụ xi măng: 511.083 tấn / 560.000 tấn đạt 91,26 % so với kế hoạch.
- Xi măng bột mua ngoài : 165.378 tấn / 120.000 tấn đạt 137,81 % so với kế hoạch

#### 2.2 Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	857.624.077.914	880.379.737.293	97,4%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	76.097.404.633	58.918.003.686	129,2%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	781.526.673.281	821.461.733.607	95,1%
4. Giá vốn hàng bán	11	645.217.731.965	704.872.622.870	91,5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	136.308.941.316	116.589.110.737	116,9%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.327.310.453	5.759.597.367	161,9%
7. Chi phí tài chính	22	14.083.524.479	11.663.030.784	120,8%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	4.476.069.979	4.812.819.084	93,0%
8. Chi phí bán hàng	25	4.782.671.959	6.095.413.870	78,5%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.784.122.443	15.901.444.842	149,6%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	102.985.932.888	88.688.818.608	116,1%
11. Thu nhập khác	31	863.028.421	253.580.856	340,3%
12. Chi phí khác	32	902.878.666	286.926.884	314,7%
13. Lợi nhuận khác	40	(39.850.245)	(33.346.028)	119,5%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	102.946.082.643	88.655.472.580	116,1%

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20.148.105.625	18.220.849.248	110,6%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	
17. LNST thu nhập doanh nghiệp	60	82.797.977.018	70.434.623.332	117,6%

### 3. Phân phối lợi nhuận sau thuế:

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	82.797.977.018
2.	Tạm trích các quỹ	0
3.	Tạm ứng cổ tức 2023	
4.	Lợi nhuận 2023 còn lại sau khi tạm ứng cổ tức và tạm trích lập quỹ	82.797.977.018
5.	Lợi nhuận giữ lại của các năm trước	4.987.506.890
6.	Tổng lợi nhuận chưa chia cổ tức đến 31/12/2023	87.785.483.908
	Tỷ lệ cổ tức chưa chia đến 31/12/2023	80,36%

### 4. Tình hình tài chính:

#### 4.1 Báo cáo tóm tắt tài chính tại ngày 31/12/2023:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tỷ lệ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>266.897.571.667</b>	<b>249.134.226.573</b>	<b>107,1%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	123.339.970.143	34.808.903.241	354,3%
Các khoản phải thu ngắn hạn + Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	130	122.287.744.467	157.188.391.248	77,8%
Hàng tồn kho	140	19.582.658.927	55.520.814.514	35,3%
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.687.198.130	1.616.117.570	104,4%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>75.265.872.438</b>	<b>79.416.975.477</b>	<b>94,8%</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210	2.349.971.542	2.349.971.542	100,0%
Tài sản cố định	220	69.133.659.969	73.692.671.721	93,8%
Tài sản dở dang dài hạn	240	1.321.232.981	1.776.080.460	74,4%
Tài sản dài hạn khác	260	2.461.007.946	1.598.251.754	154,0%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>342.163.444.105</b>	<b>328.551.202.050</b>	<b>104,1%</b>

<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>125.371.927.284</b>	<b>178.952.212.247</b>	<b>70,1%</b>
Nợ ngắn hạn	310	120.036.956.546	170.764.502.618	70,3%
Nợ dài hạn	330	5.334.970.738	8.187.709.629	65,2%
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>216.791.516.821</b>	<b>149.598.989.803</b>	<b>144,9%</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	109.238.150.000	31.210.900.000	350,0%
Quỹ đầu tư phát triển	418	19.767.882.913	19.767.882.913	100,0%
Lợi nhuận chưa phân phối	421	87.785.483.908	98.620.206.890	89,0%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>342.163.444.105</b>	<b>328.551.202.050</b>	<b>104,1%</b>

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu: Trong năm 2023, Công ty thường xuyên có chênh lệch kiểm kê nguyên vật liệu. Điển hình, theo báo cáo kiểm kê của Công ty tại thời điểm 31.7.2023, giá trị chênh lệch kiểm kê tại kho Nguyên vật liệu chính thừa thiếu lần lượt là 788 triệu đồng và 326,7 triệu đồng. Nguyên nhân do phương pháp kiểm kê đo hình khối để xác định số lượng và cân bằng định lượng không chính xác dẫn đến có sự chênh lệch.

#### **4.2 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đvt</b>	<b>Số liệu</b>
<b>Khả năng thanh toán</b>		
Khả năng thanh toán nợ hiện hành (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	lần	2,22
Khả năng thanh toán nhanh (Tiền+phải thu+đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	2,05
<b>Tỷ số nợ</b>		
Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,58
Tỷ số nợ/vốn điều lệ	lần	1,15
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	24,20
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,59
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	38,19

- Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh của Công ty lần lượt là 2,22 và 2,05 lần. Các chỉ tiêu này đều lớn hơn 1, chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty đảm bảo bù đắp và chi trả cho các khoản nợ phải trả và nợ vay

- Các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản: 24,20%; lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: 10,59%; lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 38,19% cho thấy Công ty kinh doanh có hiệu quả trong năm 2023.

## 5. Tình hình thực hiện nghị quyết đại hội cổ đông năm 2023:

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Dvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Sản lượng sản xuất xi măng				
	- Xi măng sản xuất tại công ty	Tấn	560.000	512.053	91,44%
	- Xi măng bột mua ngoài	Tấn	120.000	165.378	137,81%
2	Sản lượng tiêu thụ xi măng				
	- Xi măng sản xuất tại công ty	Tấn	560.000	511.083	91,26%
	- Xi măng bột mua ngoài	Tấn	120.000	165.378	137,81%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	807,400	781.527	96,80%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	102,062	102.946	100,87%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	81,650	82.798	117,60%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức 2023	%	50%	80%	160,00%
7	Tiền lương người lao động	Triệu đồng	26.553,1	22.350,7	84,17%
8	Tiền lương Ban điều hành	Triệu đồng	1.592,7	2.059,0	129,25%
9	Thù lao HĐQT, thư ký và BKS	Triệu đồng	399,6	0	100,00%

- Trong năm 2023, Công ty có tuyển thêm 1 phó giám đốc phụ trách về sản xuất dẫn đến tiền lương của ban điều hành vượt kế hoạch đề ra đầu năm 29,25%.

- Hiện tại, Công ty chưa chi trả thù lao cho HĐQT và BKS như Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023.

## 6. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã cố gắng thực hiện trách nhiệm của mình trên cương vị được giao, triển khai thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã họp 4 lần và đã ra Nghị quyết để Ban điều hành thực hiện.

a. Về trình tự thủ tục đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Nội dung các cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận có sự bàn bạc dân chủ, các quyết định của HĐQT đều có sự thống nhất cao của các thành viên.

c. Kết quả là các nội dung trong Nghị quyết đều được thực hiện.

## 7. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc:

Ban Giám đốc đã cố gắng điều hành Công ty theo kế hoạch SXKD được Đại hội cổ đông thông qua trong bối cảnh cạnh tranh trên thị trường xi măng. Sản lượng sản xuất tiêu thụ xi măng và doanh thu đều đạt trên 100% kế hoạch.

- Hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

- Đã thực hiện xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch tiền lương phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của Công ty và thông qua HĐQT phê duyệt để thực hiện.

#### **8. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý:**

Nhìn chung trong năm 2023, BKS đã được HĐQT, Ban giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên, BKS chưa được cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về các biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2023.

### **III- KIẾN NGHỊ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM CỦA BKS:**

#### **1. Kiến nghị của BKS:**

Ban kiểm soát kiến nghị đến Công ty các nội dung sau:

- Có định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới trên cơ sở tình hình thực tế và hiện trạng của Công ty đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề xuất năm 2023.

- Tăng cường công tác mở rộng thị trường.

- rà soát, ban hành, bổ sung một số quy chế quản lý cho phù hợp với yêu cầu quản trị hiện hành.

- Thực hiện thanh toán thù lao HĐQT, Thư ký và BKS về cho từng thành viên theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đúng quy định của luật hiện hành, chuẩn mực kế toán. Hoặc ĐHCĐ có thể chỉnh sửa Nghị quyết không chi trả thù lao của HĐQT, BKS.

#### **2. Kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS:**

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với điều lệ, nghị quyết đại hội cổ đông và phù hợp với pháp luật.

- Giám sát, đánh giá hoạt động kinh doanh và việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

- Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ năm 2023.

- Xem xét BCTC năm 2024.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Trân trọng !

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Trần Quốc Khánh**